

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A LƯỚI
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **05/2023/DS - ST**

Ngày 14/4/2023

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đàm Thị Hoa

2. Ông Nguyễn Văn Dương

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Vinh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế, tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Thái- Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 04 năm 2023, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXX-ST ngày 09 tháng 03 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐHPT- DS ngày 24 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện LV; địa chỉ: Tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà Thaiholdings Tower, số 210 đường Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Phạm Doãn S, sinh ngày 01/3/1967-Tổng giám đốc. Hộ khẩu thường trú: Số 40 ngõ 106, tổ 12, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Anh T, sinh 13/01/1975 - Giám đốc Ngân hàng Bưu điện Liên Việt Chi nhánh Huế; địa chỉ cư trú: số 10 Nguyễn Duy Luật, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Người được ông Nguyễn Anh T ủy quyền lại:*

+ Ông Ngô Xuân D, sinh ngày 16/9/1979 - Giám đốc Phòng giao dịch A Lưới; địa chỉ cư trú: TDP 4, thị trấn A Lưới, huyện A Lưới, tỉnh T T- Huế, (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Tú B, sinh năm 1978; Phó giám đốc kiêm trưởng phòng hỗ trợ hoạt động Ngân hàng TMCP Bưu Điện LV – Chi nhánh Huế, (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Anh T1; sinh: 1962; địa chỉ: Tổ 1, TDP 7, thị trấn A Lưới, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế, (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+Bà Hoàng Thị Lệ H; sinh: 1967; địa chỉ: Tổ 1, TDP 7, thị trấn A Lưới, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 13 tháng 07 năm 2017 anh Nguyễn Anh T1 ký hợp đồng tín dụng số HĐTD473201774 với Ngân hàng TMCP Bưu Điện LV tại Phòng giao dịch huyện A Lưới để vay 90.000.000 đồng; mục đích vay sửa chữa nhà ở; thời hạn vay 60 tháng, tính từ ngày 14/07/2017; lãi suất cho vay 9,9%/năm, cố định 6 tháng đầu tiên kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay này được tính trên cơ sở một năm là 360 ngày (X%/năm) và được dùng để tính lãi tiền vay trả cho ngân hàng theo quy định hợp đồng. Khi đó mức lãi suất quy đổi theo tỷ lệ %/năm trên cơ sở một năm 365 ngày (Y%/năm) được tính theo nguyên tắc: $Y\%/năm = (X\%:360) \times 365$, mức lãi suất quy đổi là 10.04%/năm. Phương thức áp dụng và điều chỉnh lãi suất: Áp dụng lãi suất theo phương thức thả nổi, theo đó: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào ngày 10 và ngày thay đổi đầu tiên là ngày 13/01/2018. Theo đó, lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh được xác định như sau: $LS_{CV} = LS_{TK\ 13\ tháng} + Margin$.

- LS_{CV} : là lãi suất cho vay áp dụng với khách hàng.

- $LS_{TK\ 13\ tháng}$ là lãi suất huy động tiết kiệm thường cao nhất hạn 13 tháng, lãi trả cuối kỳ của Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt dành cho khách hàng cá nhân tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

- Margin: Là biên độ lãi suất cho vay/ chiết khấu/đầu tư TPDN đối với khách hàng.

Trả nợ gốc cố định, lãi theo dư nợ thực tế. Cho vay theo hình thức không có tài sản đảm bảo. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngày 17/03/2020 anh Nguyễn Anh T1 ký thêm một hợp đồng tín dụng (Áp dụng đối với sản phẩm thấu chi siêu nhanh) số: HĐTD4732020149 với Ngân hàng TMCP Bưu Điện LV tại Phòng giao dịch huyện A Lưới để vay 30.000.000 đồng. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng từ ngày 18/3/2020 đến ngày 17/03/2021. Lãi suất thấu chi 13%/năm cố định trong 3 tháng đầu. Phương thức áp dụng lãi suất thấu chi: Tiền lãi vay được tính trên cơ sở lãi suất, dư nợ gốc thực tế và thời gian vay thực tế. Phương thức điều chỉnh lãi suất: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần vào ngày 10 và ngày thay đổi đầu tiên là ngày 10/06/2020. Theo đó, lãi suất thấu chi tại thời điểm điều chỉnh được xác định như

sau: $LS_{cv} = LS_{Tk13 \text{ tháng}} + \text{Margin}$. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm. Hình thức cho vay không có tài sản đảm bảo.

Quá trình thực hiện hợp đồng, thời gian đầu anh T1 trả nợ đúng hạn nhưng đến ngày 15 tháng 06 năm 2021 trả nợ gốc và lãi không đúng hạn, sau đó là không trả. Ngân hàng làm việc trực tiếp nhiều lần, đã đôn đốc kéo dài thời gian để tạo điều kiện cho bên vay vốn có thời gian thanh toán hết nợ cho Ngân hàng, nhưng bên vay vốn vẫn không thanh toán được khoản nợ vay Ngân hàng. Ngày 03/8/2021 Ngân hàng làm đơn khởi kiện, số tiền tạm tính đến ngày 02/8/2021 là 55.842.980 đồng. Trong đó gốc 54.565.620 đồng, lãi 575.721 đồng và lãi chậm trả 701.639 đồng.

Trong thời gian Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án thì bên bị đơn có trả nợ ngày 30/01/2023 với số trả tiền gốc 20.000.000 đồng của HĐTD4732020149 cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 14/4/2023, hợp đồng HĐTD473201774, ngày 13/07/2017 anh T1 và chị H có nghĩa vụ trả nợ gốc quá hạn 20.999.912 đồng, lãi quá hạn 2.175.814 đồng và lãi chậm trả 6.690.114 đồng; Hợp đồng HĐTD4732020149, ngày 17/03/2020 gốc quá hạn 13.565.544 đồng, lãi quá hạn 17.004 đồng và lãi chậm trả 9.733.973 đồng. Tổng số tiền của hai hợp đồng là 53.182.445 đồng, tại thời điểm xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, ông Ngô Xuân D là người được ủy quyền lại, đại diện cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện LV tại Phòng giao dịch huyện A Lưới, xác định anh T1 vay vốn với mục đích sử dụng sửa chữa nhà ở nên yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Anh T1 và chị Hoàng Thị Lệ H phải thanh toán tiền nợ vốn, nợ lãi đến ngày 14/04/2023 số tiền là 53.182.445 đồng; trong đó dư nợ gốc quá hạn là 34.565.540 đồng, số tiền lãi quá hạn là 2.192.818 đồng và lãi chậm trả là 16.424.087 đồng; (hợp đồng HĐTD473201774, ngày 13/07/2017 anh Nguyễn Anh T1 và chị H có trách nhiệm nghĩa vụ trả nợ gốc quá hạn 20.999.912 đồng, lãi quá hạn 2.175.814 đồng và lãi chậm trả 6.690.114đ; Hợp đồng HĐTD4732020149, ngày 17/03/2020 gốc quá hạn 13.565.628 đồng, lãi quá hạn 17.004 đồng và lãi chậm trả 9.733.973 đồng). Ngày 30/01/2023, do anh T1 đã trả một phần tiền gốc 20.000.000 đồng thực tế thì đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện (55.842.980 đồng - 20.000.000đ tiền gốc) = 35.842.980 đồng.

Đối với anh Nguyễn Anh T1 đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án số 16/TB-TLVA ngày 13/12/2021 và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 07/03/2022 đã đối chiếu tài liệu do ngân hàng cung cấp tại phiên tòa hôm nay. anh T1 công nhận còn nợ Ngân hàng TMCP Bưu Điện LV số tiền gốc và lãi đến ngày 02/8/2021 là 55.842.980đ, nhưng đến ngày 30/01/2023, do anh T1 đã nộp một phần tiền gốc 20.000.000đ thực tế và dư nợ hiện tại chưa trả nợ được tiền gốc quá hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả, tổng số tiền là 53.182.445đồng, không có tiền trả đủ và đúng theo từng tháng như thỏa thuận, ký kết hợp đồng. Đối với chị Hoàng Thị Lệ H là vợ của

anh T1, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng không làm việc với Tòa án nên đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; cả nguyên đơn, bị đơn đều có mặt và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã triệu tập và niêm yết văn bản tố tụng vẫn vắng mặt không có lý do.

Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng Điều 5, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 217, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 418, 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Điều 12 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt năm; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 7, 8, 9, 10, 12, 13 Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP TANDTC ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 13, 18, 20, 21, 23, 25 của Thông tư số 39/2016/ TT- NHNN ngày 17/10/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về thủ tục cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và án lệ số 18/2016/AL ngày 17/10/2016 của HĐTP TANDTC về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất: “ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn”:

- Buộc bị đơn và người quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải trả nợ cho nguyên đơn đối với 02 HĐTD, tính đến ngày 13/04/2023 với tổng số tiền là: 53.182.445 đồng, (trong đó: Tiền gốc = gốc quá hạn là: 34.565.540 đồng, lãi quá hạn 2.192.818; lãi chậm trả gốc là: 16.424.087 đồng).

- Đình chỉ một phần việc giải quyết vụ án, do trong quá trình giải quyết vụ án, đối với yêu cầu ban đầu của nguyên đơn về số tiền gốc; do trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã trả một phần tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng cho nguyên đơn.

- Kể từ ngày tiếp theo, sau ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/04/2023) cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất theo thỏa thuận tại 02 HĐTD mà 02 bên đã ký kết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH để giải quyết: Theo hướng buộc bị đơn phải chịu án phí DSST, nguyên đơn không phải chịu án phí DSST nên cần trả lại tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền đã nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn anh Nguyễn Anh T1 hiện cư trú tại tổ 1, tổ dân phố 7, thị trấn A Lưới,

huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế; căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế giải quyết là đúng thẩm quyền. Đối với chị Hoàng Thị Lệ H là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã triệu tập nhiều lần nhưng không làm việc với Tòa án nên đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng vắng mặt tại phiên không có lý do.

[2] Xét nội dung vụ án: Hợp đồng tín dụng số HĐTD473201774 ngày 13/7/2017 và hợp đồng HĐTD4732020149 ngày 17/3/2020 đã có chữ ký xác nhận của anh Nguyễn Anh T1, vay tiền về phục vụ việc riêng của cá nhân là đủ cơ sở để nói rằng Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt, Phòng giao dịch A Lưới cho anh Nguyễn Anh T1 vay 02 HĐTD tổng số tiền gốc là 120.000.000đồng. Như vậy, có căn cứ xác định quan hệ vay tài sản bằng hình thức tín chấp giữa anh Nguyễn Anh T1 với Ngân hàng TMCP Bưu Điện LV theo quy định tại các Điều 344, 345 và Điều 463 Bộ luật Dân sự.

Theo hợp đồng tín dụng số HĐTD47342301774 ngày 13/7/2017 và hợp đồng HĐTD4732020149 ngày 17/03/2020 được ký giữa Ngân hàng TMCP Bưu Điện LV với anh Nguyễn Anh T1 công nhận còn nợ của Ngân hàng TMCP Bưu Điện LV, nhưng không trả đúng hạn vi phạm thỏa thuận theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Ngân hàng TMCP Bưu Điện LV đã nhiều lần làm việc, đối chiếu công nợ, nhắc nhở trả nợ nhưng vợ chồng anh T1, chị H không trả nên đã nợ quá hạn. Vì vậy, vợ chồng anh T1, chị H đã vi phạm thỏa thuận, cam kết về nghĩa vụ trả nợ hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Bưu Điện LV, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh T1, chị H phải trả số tiền dư nợ đến ngày 14/4/2023 là 53.182.445 đồng; trong đó dư nợ gốc quá hạn 34.565.540 đồng, số tiền lãi quá hạn là 2.192.818 đồng và lãi chậm trả 16.424.087 đồng và tiền lãi phát sinh tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp quy định tại Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng tại Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP TANDTC ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm”, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Số tiền Ngân hàng đã rút lại yêu cầu một phần tiền gốc đã khởi kiện 20.000.000đ, do bị đơn anh T1 đã trả trong quá trình giải quyết vụ án thì trả lại tiền tạm ứng án phí phần rút yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí nên trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[3] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về đề nghị hướng giải quyết nội dung vụ án là đúng căn cứ pháp luật, cần chấp nhận.

[4] Về án Phí: Anh Nguyễn Anh T1 và chị Hoàng Thị Lệ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 217 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP/TANDTC ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “ Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm” và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “ Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.
Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện LV.

2. Buộc anh Nguyễn Anh T1 và chị Hoàng Thị Lệ H phải trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện LV số tiền 53.182.445đ (Năm mươi ba triệu một trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng); trong đó dư nợ gốc quá hạn 34.565.540đ, số tiền lãi quá hạn là 2.192.818đồng và lãi chậm trả 16.424.087đồng.

3. Về án Phí: Buộc anh Nguyễn Anh T1 và chị Hoàng Thị Lệ H phải nộp $53.182.445đ \times 5\% = 2.659.122$ đồng (làm tròn số 2.660.000 đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn rút lại một phần khởi kiện về tiền gốc 20.000.000 đồng yêu cầu khởi kiện nên đình chỉ một phần đơn khởi kiện số tiền gốc đã được vợ chồng anh T1 đã trả; trả lại tiền tạm ứng án phí của phần đã đình chỉ $20.000.000đ \times 2.5\% = 500.000$ đồng cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện LV đã nộp số tiền tạm ứng án phí 1.396.000đ tại Biên lai số AA/2021/0002824 ngày 13/12/2021. Nguyên đơn không phải chịu án phí, trả lại số tiền đã nộp số tiền tạm ứng án phí $1.396.000đ - 500.000đ = 896.000$ đồng cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện LV tại Biên lai số AA/2021/0002824 ngày 13/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A Lưới.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hai hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện LV thì lãi suất mà anh Nguyễn Anh T1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện LV theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Bưu Điện LV.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; được bổ sung theo luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn, tính từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, có quyền kháng cáo bản án phần liên quan quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế
- VKSND tỉnh TT Huế
- VKSND huyện A Lưới.
- Chi cục THADS huyện A Lưới.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hồ Văn Nhàn